

Tập 31

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba mươi tám:

(Sớ) Cố tri chung nhật niệm Phật, chung nhật niệm tâm, xỉ nhiên vãng sanh, tịch nhiên vô vãng hĩ.

(疏)故知終日念佛，終日念心，熾然往生，寂然無往矣。

(Sớ: Vì thế biết là suốt ngày niệm Phật, suốt ngày niệm tâm, hùng hực vãng sanh, [mà vẫn] lặng lẽ chẳng vãng sanh vậy).

Bắt đầu từ câu này, lần trước đã giảng đến câu “*dĩ niệm Phật tâm, nhập Vô Sanh Nhẫn*” (dùng cái tâm niệm Phật để nhập Vô Sanh Nhẫn). Ý nghĩa của đoạn này hết sức trọng yếu, chúng ta hãy chú tâm quán sát, sẽ biết công phu niệm Phật của chính mình vì sao chẳng thể thành tựu, nguyên nhân là ở chỗ này. Để chú giải tiểu đoạn này, sách Diễn Nghĩa có một đoạn văn tự giảng rõ ý nghĩa khá dài.

(Diễn) Hựu sanh tức niệm niệm sanh diệt, thử sanh diệt vọng tâm, bổn tự hư vọng, vô hữu thật thể, cố vân Thể bất khả đắc.

(演)又生即念念生滅，此生滅妄心，本自虛妄，無有實體，故云體不可得。

(Diễn: Lại nữa, “sanh” chính là sanh diệt trong từng niệm, cái vọng tâm sanh diệt này vốn hư vọng, chẳng có thật thể, nên nói: “Thể chẳng thể được”).

Đối với đoạn này, chúng tôi cũng đặc biệt nêu ra lời khai thị “*tam tâm bất khả đắc*” trong kinh Kim Cang, tức “*tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc*”, đó là nói về vọng tâm. Bởi lẽ, chân tâm không có quá khứ, hiện tại, vị lai; chỉ vọng tâm mới có quá khứ, hiện tại, vị lai, những tâm này đều chẳng thể được! Hiện tại, cái tâm niệm Phật của chúng ta là vọng tâm, vì sao? Cũng là cái tâm sanh diệt. Nam-mô A Di Đà Phật, niệm trước được nối tiếp bởi niệm sau, đó là tâm sanh diệt. Do đây có thể biết: Bản thể của câu Phật hiệu cũng là Không, trọn chẳng thể được. Vọng tâm khởi tác dụng, nếu khởi lên một

niệm thiện thì đó là thiện nghiệp. Khởi lên một niệm ác, sẽ tạo ác nghiệp. Vì vậy, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do vọng tâm biến hiện, còn chân tâm hiện ra Nhất Chân pháp giới, đó là chân thật. Mười pháp giới chẳng phải là Nhất Chân, khác biệt với Nhất Chân pháp giới rất lớn.

Nếu vọng tâm ấy tạo ra nghiệp niệm A Di Đà Phật, quý vị hãy nghĩ xem: Nghiệp ấy là thiện nghiệp hay ác nghiệp? Thiện lẫn ác đều chẳng liên quan! Vì sao? Quả báo của một câu A Di Đà Phật chẳng ở trong ba ác đạo! Trong ba ác đạo không có A Di Đà Phật. Trong ba thiện đạo cũng chẳng có A Di Đà Phật. Trong Thanh Văn, Duyên Giác, cũng chẳng có A Di Đà Phật. Trong Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng có A Di Đà Phật. Tuy dùng vọng tâm, nhưng tạo nghiệp rất kỳ diệu, nghiệp của A Di Đà Phật là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, quý vị phải hiểu đạo lý này. Nếu quý vị biết sử dụng vọng tâm, thì [vọng tâm] cũng có thể khiến cho quý vị thành Phật trong một đời. Dùng cái tâm sanh diệt để vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ và Phương Tiện Hữu Dư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bỏ cái tâm sanh diệt, sử dụng chân tâm, sẽ vãng sanh từ cõi Thật Báo trở lên. Đủ thấy: Biết sử dụng cái tâm hay không là mấu chốt trọng yếu nhất để quyết định sự thành bại của chúng ta.

(Diễn) Đạt giả, ngộ tâm chi bản không dã.

(演) 達者悟心之本空也。

(Diễn: Đạt là ngộ cái tâm vốn không).

Chân tâm vốn là không, vọng tâm cũng vốn là không, vì chúng rốt ráo chẳng thể được.

(Diễn) Ký ngộ tâm không.

(演) 既悟心空。

(Diễn: Đã ngộ tâm là không).

Đã hiểu chân tâm và vọng tâm đều là không, chẳng thể được.

(Diễn) Tác chung nhật niệm Phật, chung nhật vô niệm, sanh nhi bất sanh dã.

(演) 則終日念佛，終日無念，生而不生也。

(*Diễn: Thì suốt ngày niệm Phật, suốt ngày vô niệm, sanh mà chẳng sanh*).

Tuy Phật hiệu là từng tiếng tiếp nối chẳng gián đoạn, nhưng quyết định không có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, vì hiệu bản thể của chúng chính là Không. Hiểu rõ đạo lý này, công phu sẽ dễ thành tựu; không hiểu đạo lý này, người ấy (tức người niệm Phật) sẽ so đo, phân biệt, chấp trước. Ví như mỗi ngày niệm bao nhiêu câu Phật hiệu, lễ Phật bao nhiêu lạy, người ấy ganh đua với kẻ khác, chỉ sợ kẻ khác vượt trội mình, toàn là khởi vọng tưởng! Một mặt niệm Phật, một mặt khởi vọng tưởng, tình hình như vậy từ xưa đến nay thường có, người ấy chẳng biết tam luân thể không, dẫu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị cũng không cao. Ở đây, tôi đặc biệt thưa với quý vị: Nếu có cái tâm tranh cường hiếu thắng, quý vị nghĩ coi: Có thể vãng sanh hay chẳng? Chẳng thể vãng sanh! Vì tranh cường hiếu thắng là tâm sân khuể, là tâm tham; chưa chế phục những phiền não ấy, làm sao quý vị có thể vãng sanh được? Đói nghiệp vãng sanh chỉ mang theo chủng tử của tập khí, chứ không thể mang theo [phiền não] hiện hành; cái tâm tranh cường hiếu thắng ấy chính là phiền não hiện hành.

Công phu đặc lực không do niệm Phật bao nhiêu câu, quý vị mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, công phu vẫn cứ không đặc lực như cũ! Không đặc lực nghĩa là không thể chế phục phiền não, công phu chẳng thể thành phước, chẳng thể đặc nhất tâm, đó là không đặc lực. Do vậy, đối với người niệm Phật chúng ta, điều khẩn yếu là công phu đặc lực. Nếu người ấy mỗi ngày chỉ niệm mười tiếng Phật hiệu, chỉ tu thập niệm, mà mười niệm của người ấy đặc lực, thật sự có thể chế phục phiền não, sẽ rất tuyệt vời, đấy chính là công phu, nhất định phải hiểu đạo lý này! Cổ đại đức thường khuyên chúng ta: “*Châu bất ly thủ, Phật bất ly khẩu*” (xâu chuỗi chẳng rời tay, miệng chẳng ngớt niệm Phật), vì sao? Có đạo lý trong ấy: Nếu tâm chúng ta chẳng tưởng Phật, chẳng niệm Phật, sẽ suy nghĩ tán loạn. Quý vị có thể kiểm nghiệm xem chính mình có phải là như vậy hay không? Khi không niệm Phật, quý vị bèn tưởng Đông nghĩ Tây, nghĩ tới thiện niệm thì nó sẽ là chủng tử của nghiệp nhân trong ba thiện đạo; nghĩ tới chuyện ác, nó sẽ là chủng tử trong ba ác đạo. Vậy thì quý vị suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, tưởng Phật, tôi vừa mới nói đó, trong lục đạo không có A Di Đà Phật! Nói cách khác, quý vị chẳng tạo nghiệp nhân lục đạo, tương lai sẽ chẳng thọ quả báo luân hồi trong lục đạo, tốt đẹp là ở chỗ này! Do vậy, [chư Phật, Bồ

Tát] mới bảo chúng ta hãy suốt ngày từ sáng đến tối tưởng Phật, tưởng Bồ Tát, niệm Phật, niệm Bồ Tát; chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, nhất là phải chú ý: Công phu nhất định phải đặc lực. Muốn đặc lực, nhất định phải hiểu rõ Lý. Khi hiểu rõ Lý, quý vị sẽ có thể buông xuống; buông xuống thì mới đặc lực! Công phu chẳng đặc lực, căn bệnh là do không buông xuống, đó là căn bệnh lớn. Đây là giảng rõ câu “*chung nhật niệm Phật, chung nhật vô niệm*” (suốt ngày niệm Phật, suốt ngày vô niệm), vô niệm có ý nghĩa như vậy đó.

(Diễn) *Chung nhật vô niệm, chung nhật niệm Phật, bất sanh nhi sanh dã.*

(演) 終日無念，終日念佛，不生而生也。

(Diễn: *Suốt ngày vô niệm mà suốt ngày niệm Phật, chẳng sanh mà sanh vậy*).

Niệm và vô niệm là tu nhân, sanh và bất sanh là quả báo. Sanh và bất sanh thì sao? Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận đã giảng rất hay: “*Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ*” (Sanh thì quyết định sanh, đi thì chẳng thật sự đi). Vì sao nói thật sự chẳng đi? Thế giới Sa Bà do cái tâm của chúng ta biến hiện, thế giới Cực Lạc cũng do tâm của chúng ta biến hiện, quý vị đi về đâu? Vô lượng vô biên các cõi nước trọn hết mười phương đều chẳng ra ngoài nhất tâm. Vấn đề khẩn yếu là nhất tâm. Do vậy, đối với điểm này, quý vị quyết định chớ nên hoài nghi. Bộ Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận hết sức hay, nó cũng là một bộ luận rất trọng yếu trong Tịnh Độ, chuyên môn thảo luận và giảng rõ về sự vãng sanh.

(Diễn) *Sanh nhi bất sanh, tắc sanh nguyên bất khả đắc, bất sanh nhi sanh, tắc bất sanh diệc bất khả đắc, thị chân vô sanh dã.*

(演) 生而不生，則生元不可得，不生而生，則不生亦不可得，是真無生也。

(Diễn: “*Sanh mà bất sanh*” tức là sanh vốn chẳng thể được, “*bất sanh mà sanh*” thì bất sanh cũng chẳng thể được, đây là chân vô sanh).

Đối với mấy câu này, nếu chúng ta dùng Bách Pháp Minh Môn Luận để đối chiếu, sẽ giác ngộ ngay. Trong bách pháp, Sanh thuộc về Bất Tương Ứng Hành Pháp. Sanh đã thuộc về pháp Bất Tương Ứng

[Hành Pháp]; Bất Sanh là pháp đối ứng với Sanh, đương nhiên cũng thuộc Bất Tương Ứng Hành Pháp. Nói “*bất tương ứng hành*” có nghĩa là: Pháp ấy chỉ là khái niệm trừu tượng, thật ra không có chuyện ấy. Y Tha Khởi¹ là giả, khái niệm trừu tượng càng giả hơn nữa. Nói cách khác, nó chỉ là một thứ vọng tưởng mà thôi, chẳng phải là sự thật. Do chúng ta bị thứ vọng tưởng này che lấp chân tánh của chính mình, nên nhìn sai lạc, nhìn lầm lẫn Thật Tướng của hết thảy các pháp. Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, chúng ta thấy tướng hư vọng ấy. Vì sao chúng ta chẳng thấy tướng chân thật? Vì trong chân tâm đã kèm thêm một tầng vọng tưởng như thế. Nếu bỏ được vọng tưởng ấy, quý vị sẽ hoằng nhiên đại ngộ, hết thảy các pháp trước mắt đều là bất sanh, bất diệt. Đạt đến cảnh giới ấy thì mới chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, thật sự hiểu rõ Thật Tướng của các pháp. Hết thảy pháp bất sanh, bất diệt, đó là thật. Nay chúng ta thấy hết thảy pháp có sanh, có diệt, con người có sanh - lão - bệnh - tử, thực vật có sanh - trụ - di - diệt, khoáng vật có thành - trụ - hoại - không, chúng ta đều thấy sai lầm! Thật ra, không có những chuyện ấy; nhưng nếu nói là chúng ta thấy lầm, chắc chắn chúng ta không thừa nhận, rõ ràng là có sanh - lão - bệnh - tử, làm sao nói không có cho được? Ở đây có một tầng đạo lý rất sâu, nhưng chúng ta không lãnh hội đạo lý ấy, mà cũng chẳng thấy được chân tướng sự thật. Trong phần trên, chúng ta đã từng thảo luận sự lý ấy; sau này, bước vào phần kinh văn, sẽ nghiên cứu và thảo luận cặn kẽ hơn. Điều này có quan hệ rất lớn đối với sự tu học của chúng ta. Đây là nói quan niệm Sanh chẳng thể được, mà quan niệm Bất Sanh cũng chẳng thể được. Hai bên Sanh và Bất Sanh đều tách lìa, đó gọi là Chân Vô Sanh. Đủ thấy: Cõi Diệt là ngưng dứt Sanh thì chẳng phải là Vô Sanh chân chánh, mà là Vô Tướng Định, quả báo là trời Vô Tướng trong Tứ Thiên Thiên, là ngoại đạo thiên.

(Diễn) Cổ vân dĩ niệm Phật tâm, nhập Vô Sanh Nhân.

(演) 故云以念佛心，入無生忍。

¹ Y Tha Khởi là một trong ba tánh (Y Tha Khởi, Biến Kế Sở Chấp và Viên Thành Thật) được lập ra bởi Duy Thức Học. Y Tha Khởi nghĩa là các pháp đều do các duyên hòa hợp, do tâm thức biến hiện, hư huyền chẳng thật. Một thí dụ thường dùng là dây thừng. Dây thừng là do các sợi gai và sức người bện thành. Lại xét đến sợi thừng thì sợi thừng do các tế bào của cây gai hợp thành, tế bào do các vi trần (phân tử, nguyên tử, lap tử v.v...), như vậy, sợi dây thừng chỉ do các duyên hòa hợp mà có, không có thực thể.

(Diễn: Vì thế nói: Dùng tâm niệm Phật để nhập Vô Sanh Nhân).

Đây cũng là điều chúng ta mong cầu, chúng ta mỗi ngày niệm Phật, trong bài kệ Hồi Hướng có câu: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”, đủ thấy ai nấy đều có nguyện vọng này. Đây là cảnh giới nào? Cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Nói cách khác, trong Sự nhất tâm, vẫn sử dụng cái tâm sanh diệt; đạt đến Lý nhất tâm, sẽ bỏ sạch cái tâm sanh diệt ấy. Tâm sanh diệt đã bỏ, ý niệm Sanh và Vô Sanh cũng chẳng còn nữa; khi ấy sẽ chứng đắc Vô Sanh Nhân.

“*Cố tri chung nhật niệm Phật, chung nhật niệm tâm*” (cho nên biết suốt ngày niệm Phật là suốt ngày niệm tâm). Nhất định phải nhớ kỹ hai câu này. Nhất định phải hiểu ý nghĩa này. Thật sự hiểu ý nghĩa này thì niệm Phật sẽ biến thành cuộc sống của chính mình. Nếu không, dường như niệm Phật chẳng ăn khớp với cuộc sống! Có nhiều vị đồng tu hoai nghi, trong mười hai thời Phật hiệu chẳng thể gián đoạn, vậy thì chuyện gì tôi cũng chẳng thể làm được! Tôi làm việc gì thì phải suy nghĩ việc ấy, phải nghĩ đến vấn đề ấy, Phật hiệu bị gián đoạn, trong tương lai, tôi chẳng thể vãng sanh! Khi tôi mong mỏi vãng sanh thì chuyện gì tôi cũng đều chẳng phải làm, đâm ra Lý - Sự bị trở ngại, Sự - Sự bị trở ngại! [Những ai quan niệm như vậy] là không hiểu đạo lý! Quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này thì sự thật chẳng phải là như vậy, trên sự thật là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

Niệm Phật, niệm A Di Đà Phật vốn là niệm tâm. Nếu một câu A Di Đà Phật chẳng niệm cho đến mức tỏ lộ tự tánh thanh tịnh, quý vị sẽ chẳng thể đắc nhất tâm. Nhờ vào Phật hiệu để niệm cho ra cái tâm vô lượng giác của chính mình. Nam-mô A Di Đà Phật là quy y Vô Lượng Giác, Vô Lượng Giác là ai? Nếu nghĩ là Tây Phương A Di Đà Phật, quý vị đã sai rồi! Vô Lượng Giác là chân tâm của chính mình, là nhất tâm bất loạn của chính mình, nhất tâm bất loạn được gọi là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là nhất tâm bất loạn; vì nhất tâm là Vô Lượng Giác, trong kinh đã nói rất rõ ràng, rành rẽ “*nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo*”. Nếu nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo, quý vị làm bất cứ chuyện gì trong thế gian này, nhất định sẽ làm hết sức viên mãn, tự tại như ý.

Chúng ta dùng nhất tâm để xử sự, dùng nhất tâm để đãi người, dùng nhất tâm để tiếp vật, đầy đủ là niệm Phật! Chúng ta vận dụng niệm Phật vào cuộc sống, sử dụng thuận tiện; nói theo cách bây giờ là niệm một cách sống động, vận dụng sống động, đừng niệm Phật một cách chết cứng! Niệm Phật hiệu mà không có tác dụng, niệm Phật một

cách chết cứng, sẽ chẳng thể vãng sanh. Cuộc sống hiện thời của chúng ta là trong cảnh giới giác chứ không mê, có như vậy thì mới có thể chắc chắn vãng sanh. Bởi lẽ, các vị thượng thiện nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, vị nào cũng là giác chứ không mê, vị nào cũng đều là tịnh chứ chẳng nhiễm, tác dụng của Phật hiệu là ở chỗ này! Đây là “*chung nhật niệm Phật, chung nhật niệm tâm*” (suốt ngày niệm Phật, suốt ngày niệm tâm). Quý vị phải hiểu: Niệm Phật là niệm tâm. Niệm câu A Di Đà Phật là niệm cái tâm vô lượng giác của chính mình, tâm chính mình giác chứ không mê, tâm chánh chứ không tà, tâm tịnh chứ không nhiễm, niệm những điều đó! Phải niệm cho ra “giác - chánh - tịnh” của chính mình rồi sau đó vận dụng “giác - chánh - tịnh” vào cuộc sống. Chỗ hay, công đức và lợi ích của Niệm Phật thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

“*Xí nhiên vãng sanh, tịch nhiên vô vãng hĩ*” (hùng hực vãng sanh, nhưng vẫn lặng lẽ chẳng đi đâu cả): “*Xí nhiên*” (熾然) là từ ngữ hình dung người ấy có tướng quang minh, có tướng dũng mãnh, giống như lửa cháy rất mạnh, cháy rất to. Tuy chúng ta vẫn chưa ra đi (chưa vãng sanh), nhưng thân tâm của quý vị đã là người trong thế giới Cực Lạc. Hiện thời, niệm một cách sống động câu Phật hiệu này, niệm Phật quả thật là niệm cái tâm giác - chánh - tịnh của chính mình, tâm tâm tương ứng với giác - chánh - tịnh của Tây Phương thế giới A Di Đà Phật thì quý vị vãng sanh trong mỗi niệm. Sự vãng sanh ấy há chẳng phải là vãng sanh trong khi còn sống ư? Đây chính là như cổ đại đức nói: “*Tu hành phải chuyển Thức thành Trí*”. Chúng ta niệm niệm đều chuyển mê - tà - nhiễm thành giác - chánh - tịnh. Giác - chánh - tịnh là Trí, mê - tà - nhiễm là Thức. Niệm niệm chuyển Thức thành Trí, niệm niệm chuyển Sa Bà thành Cực Lạc, quý vị hãy nghĩ xem: Có phải là hùng hực vãng sanh, mà vẫn lặng lẽ không đi về đâu hay chẳng?

Tâm chuyển cảnh giới, đó là Phật, Bồ Tát. Tâm bị cảnh chuyển là phàm phu. Quý vị bị cảnh giới chuyển, làm sao có thể tránh khỏi lục đạo luân hồi? Khi nào chuyển được cảnh giới, quý vị đắc đại tự tại. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Nhược năng chuyển cảnh, tức đồng Như Lai*” (Nếu chuyển được cảnh thì giống như Như Lai). Đó là công phu chân chánh, là học Phật chân chánh.

(Sớ) Tâm, Phật, chúng sanh giả, kinh vân: “Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt”. Cái tâm tức thị Phật, Phật tức thị sanh, chư Phật tâm nội chúng sanh, niệm chúng sanh tâm trung chư Phật dã. Cổ vân nhất thể.

(疏)心佛眾生者。經云：心佛及眾生，是三無差別。

蓋心即是佛，佛即是生，諸佛心內眾生，念眾生心中諸佛也。故云一體。

(Sớ: “*Tâm, Phật, chúng sanh*”: Kinh dạy: “*Tâm, Phật, và chúng sanh, ba thứ này không sai khác*”. Bởi lẽ, tâm chính là Phật, Phật chính là chúng sanh. Chúng sanh trong tâm chư Phật niệm chư Phật ở trong tâm chúng sanh, nên nói là nhất thể).

Đoạn này cũng nói rất rõ ràng. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta [như vậy], trong phần chú giải cũng có giải thích, quý vị hãy đọc lời chú giải.

(Diễn) Tam vô sai biệt giả, vị: Mê thử pháp hữu chúng sanh danh, ngộ thử pháp hữu chư Phật danh. Thử pháp chư pháp trung thật hữu tâm danh. Nhiên nhi mê ngộ bản không, trung biên bất lập, chư Phật, chúng sanh, cập tâm, giai giả danh dã.

(演)三無差別者，謂迷此法有眾生名，悟此法有諸佛名，此法諸法中實有心名。然而迷悟本空，中邊不立，諸佛眾生及心，皆假名也。

(Diễn: “*Ba thứ không sai biệt*”, ý nói: *Mê pháp này bèn có cái tên chúng sanh, ngộ pháp này bèn có danh xưng chư Phật. Trong các pháp, pháp này quả thật có cái danh xưng là “tâm”, nhưng mê và ngộ vốn là không, ở giữa và hai bên chẳng lập; chư Phật, chúng sanh và tâm đều là giả danh*).

Pháp chỉ có một! Cũng có các vị nghe xong, cảm thấy hết sức hoang mang, chúng ta thấy pháp nhiều quá, sâm la vạn tượng vô lượng vô biên, sao lại nói “pháp chỉ có một?” Tôi nghĩ quý vị đã từng nghe cô nhân nói “*dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (lấy vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng). Quý vị nói xem: Là một hay nhiều? Quý vị vào tiệm kim hoàn xem các đồ làm bằng vàng, lóng lánh chói mắt, các kiểu, các dạng quá nhiều. Nếu quan sát kỹ, chúng đều bằng vàng! Trừ vàng ra, không có món thứ hai nào khác. Quý vị nói xem: Là một hay nhiều? Nhìn từ bản thể, là một. Các nhà Duy Thức chỉ thừa nhận Thức, chẳng

thừa nhận Tướng. Thức là năng biến (chủ thể biến hóa), vạn pháp duy thức (muôn pháp chỉ từ Thức biến hóa ra), Thức là một, vạn pháp là cái được biến hiện (sở biến). Vạn pháp giống như các đồ vật, Thức ví như vàng. Chính vì chân tướng của sự thật là như thế, nên trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh mới dạy chúng ta: “*Vô lượng tức nhất, nhất tức vô lượng*” (vô lượng là một, một là vô lượng), đó là nói sự thật. “Một” là nói về tâm, thức, “vô lượng” là nói về hết thảy muôn hình tượng.

Ngày nay, các nhà khoa học cũng phát hiện “một”, vạn pháp quy về một. “Một” là gì? Là các lap tử cơ bản, đây là vật chất cơ bản. Những động vật, thực vật, và khoáng vật trong trợn hư không khắp pháp giới đều do các lap tử cơ bản kết hợp thành. Trừ lap tử cơ bản ra, trong vũ trụ không có vật thứ hai nào, các nhà khoa học hiện tại tin vào điều này. Chúng ta đem một người bỏ lên cân, mấy chục ký lô vật chất cơ bản được cấu tạo bằng lap tử cơ bản đáng bao nhiêu tiền? Tính ra, người ấy chỉ đáng giá mấy đồng! Một người chỉ đáng giá mấy đồng mà thôi ư? Không có giá trị! Các nhà khoa học cũng dần dần hiểu rõ đạo lý này!

Do vậy, Phật, Bồ Tát rất thông minh, rất cao minh, các Ngài làm trò ảo thuật, biến đổi những thuật ngữ, tạo ra rất nhiều danh từ Pháp Tướng, nhưng những danh từ Pháp Tướng ấy đều chẳng thật. Những danh từ Pháp Tướng ấy được lập ra hết sức xảo diệu, khiến cho chúng ta từ những danh từ ấy, từ những danh từ giả huyền ấy, ngộ nhập chân tướng sự thật. Đó gọi là “*tá giả tu chân*” (nhờ giả để tu thật). “*Giả*” (假) là giả danh, giả tướng, ví như “*tâm, Phật, chúng sanh*”, cả ba danh từ này đều là giả danh; từ những giả danh ấy mà ngộ nhập Thật Tướng. Đó là mục đích của Phật pháp, chắc chắn chẳng phải là bảo quý vị hãy [chấp trước] chết cứng nơi giả danh. Do vậy, chớ nên ghi nhớ chết cứng giả danh; nhất định phải từ giả danh mà khai ngộ. Hiểu rõ đạo lý này, mới hiểu được đoạn văn trên đây.

“*Mê thử pháp*”, “*thử pháp*” là Thể - Tướng - Dụng như Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh đã nói. Thể - Tướng - Dụng là một mà ba, tuy ba nhưng một, toàn thể vũ trụ nhân sinh đều được bao gồm trong ấy. Mê mất Thể - Tướng - Dụng! Mê mất Thể - Tướng - Dụng là con người thật sự của chính mình, nhà Thiền gọi nó là “*phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra). Mê mất Thể - Tướng - Dụng thì gọi là chúng sanh, Phật đặt cho họ cái giả danh là “chúng sanh”. Hễ ngộ Thể - Tướng - Dụng của chính mình, lại đặt cho họ một cái giả danh là Phật. Đủ thấy chúng sanh là người ấy, mà

Phật vẫn là người ấy! Từ chỗ này, chúng ta có thể hiểu mối quan hệ giữa Phật và chúng sanh: Phật là chính mình, mà chúng sanh cũng là chính mình. “*Thử pháp chư pháp trung*”, “*thử pháp*” là nói về Thể - Tướng - Dụng của chính mình, “*thật hữu tâm danh*”, tâm là thể tánh của hết thấy các pháp, điều này nói rõ: Trong hết thấy các pháp, vẫn có danh từ này.

“*Nhiên nhi mê ngộ bốn không*” (nhưng mê và ngộ vốn là Không), đây là thực tại. Mê, do đâu mà mê? Quý vị có tìm ra Lý và Sự của cái mê ấy hay chẳng? Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật cùng A Nan và Phú Lô Na đã thảo luận vấn đề này. Đức Phật nói chúng ta mê, quý vị đi tìm Tướng và Thể của mê, tìm chẳng được! Quý vị tìm vô minh, vô minh ở đâu? Chẳng thể được! Vì sao chẳng thể được? Vì nó là hư vọng! Nếu nó là chân thật, nhất định sẽ tìm được! Tìm khắp mọi nơi mà chẳng thấy, mới biết nó là hư vọng. Một thứ đã mê, hết thấy đều mê; một thứ đã ngộ, hết thấy đều ngộ! Mê và ngộ quả thật có chuyện này, nhưng mê và ngộ chẳng có tự tánh, không có tự thể; do vậy, “*mê ngộ bốn không*” (mê và ngộ vốn là không).

Biết mê và ngộ vốn là không, chúng ta nay đang mê, dẫu mê nặng nề đến đâu đi nữa, quý vị cũng đừng kinh hoảng, cũng đừng sợ hãi. “Tôi mê nặng nề như thế, làm thế nào đây? Phải như thế nào mới có thể đoạn được mê tình?” Vậy là mê càng thêm mê, quý vị vĩnh viễn chẳng đoạn mê được! Vì sao? Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, đó là mê, nghĩ “tôi tội nghiệp quá sâu, tôi mê hoặc, điên đảo”, đã mê càng thêm mê, không có cách nào đoạn được. Quý vị biết mê và ngộ vốn là không, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng cực, thứ gì cũng chẳng cần quan tâm tới, niệm chẳng bao lâu sẽ tự nhiên thông minh. Vì sao tự nhiên thông minh? Vì quý vị chẳng mê, chẳng suy nghĩ loạn xạ, đương nhiên sẽ dần dần thông minh.

Vì thế, vừa mở đầu sách Di Đà Yêu Giải, Ngẫu Ích đại sư liền nói ba cương lĩnh Tín - Nguyện - Hạnh. Nói tới Tín, lão nhân gia nêu ra sáu điều; điều thứ nhất là phải tin vào chính mình, thường cảm thấy ta tội chướng quá nặng, ta mê hoặc, điên đảo, đánh mất niềm tin nơi chính mình sẽ chẳng có cách nào hết. Trong ba món Tư Lương, quan trọng nhất là kiến lập Tự Tín, tức là tin tưởng vào chính mình, tin tưởng mê và ngộ vốn là không, tin tưởng Bốn Giác vốn có, tin tưởng quý vị trong một đời nhất định thành tựu. Người như vậy mới gọi là pháp khí trong nhà Phật, trong một đời này quyết định có thành tựu.

“*Trung biên bát lập*”, “*trung*” và “*biên*” là những danh từ giả lập, được kiến lập tương đối. Vì có hai bên nên mới có chính giữa, vì có

chính giữa nên mới hiện lộ hai bên, kiến lập đối ứng với nhau. Lìa khỏi hai bên, chính giữa chẳng thể có được! Lìa chính giữa, hai bên chẳng thể có được! Đức Phật nói tới Trung và Biên, quý vị phải ngộ đạo lý này, đây là đức Phật nói đến nghĩa chân thật. Đức Phật nói tới Trung mà quý vị chấp có cái Trung đó, nói tới hai bên (Biên), quý vị lại chấp trước có hai bên, hỏng rồi! Hiểu ý nghĩa Phật pháp như vậy thì tam thể chư Phật bị oan uổng. Tam thể chư Phật đều phải kêu oan, ý nghĩa của [lời] Phật chẳng phải ở chỗ này!

“*Chư Phật, chúng sanh, cập tâm*” (chư Phật, chúng sanh và tâm) cũng là những giả danh giống như vậy, nhằm khiến cho quý vị từ ba giả danh này mà ngộ nhập Thật Tướng. Thật Tướng là một, vốn là cùng một chuyện, bất đắc dĩ, vì diễn nói cho thuận tiện mà lập ra danh từ “*tâm*”. [Ai] mê cái tâm này thì đặt cho kẻ ấy cái tên là “*chúng sanh*”, ai ngộ cái tâm này thì đặt cho kẻ ấy cái tên là “*Phật*”. Thật ra chỉ là một chuyện! Quý vị đã hiểu thông suốt, hoảng nhiên đại ngộ, nó vốn là một chuyện. Sau khi ngộ nhập, lìa khỏi hết thấy danh và tướng, chính là như cổ nhân đã nói: “*Như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri*” (như người uống nước, lạnh, nóng tự biết).

Trong phần trên, chúng tôi đã có nói: “*Ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt*”, đây chính là Thật Tướng hiện tiền.

(Diễn) Giả danh vô thật, toàn thể tức chân.

(演) 假名無實，全體即真。

(Diễn: Giả danh không thật, toàn thể là chân).

Lý và Sự là chân, danh tướng là hư vọng.

(Diễn) Cố tam pháp tương tức, vô hữu sai biệt.

(演) 故三法相即，無有差別。

(Diễn: Cho nên ba pháp chính là lẫn nhau, chẳng có sai biệt).

Là một mà ba, tuy ba mà một, chẳng có sai khác. Đó là chân lý. Chính vì Lý và Sự thật sự là như thế, cho nên khi quý vị thành Phật, quý vị nhất định thấy chúng sanh trong đại địa cũng thành Chánh Giác, đó là chân tướng sự thật. Nếu quý vị cảm thấy chính mình đã thành Phật, còn có bao nhiêu người khác là chúng sanh đáng thương, điều ấy chứng tỏ bản thân quý vị chắc chắn chưa thành Phật. Thành Phật là tâm bình đẳng hiện tiền. Quý vị còn có sự sai biệt giữa chúng sanh và Phật thì quý vị là

phàm phu, là chúng sanh. Khi nào quý vị đạt đến ba thứ (tâm, Phật, chúng sanh) không sai biệt, không sai biệt là bình đẳng, quý vị sẽ được gọi là Phật, có ý nghĩa như vậy đó. Do vậy, chúng ta hiểu rõ đạo lý này, phải thường xuyên kiểm nghiệm chính mình trong cuộc sống thường ngày xem công phu của chúng ta có tiến bộ hay là không? Cảnh giới của chúng ta có nâng cao hay chững? Đây tức là nói: Trong hết thảy các cảnh giới bất bình đẳng, tâm chúng ta có dần dần tiếp cận bình đẳng hay chững? Sự sai biệt có dần dần bị thu hẹp hay chững? Đó gọi là công phu đắc lực. Nếu khoảng cách ngày càng lớn là hỏng rồi, điên đảo mất rồi! Ý nghĩa của đoạn kinh này là như vậy.

Ở đây, đại sư chỉ rõ cho chúng ta biết: “*Cái tâm tức thị Phật, Phật tức thị chúng sanh*” (Bởi lẽ, tâm chính là Phật, Phật chính là chúng sanh). Do cả ba thứ “tâm, Phật, chúng sanh” không sai biệt, nên mới nói “*chư Phật tâm nội chúng sanh, niệm chúng sanh tâm trung chư Phật*” (chúng sanh trong tâm của chư Phật, niệm chư Phật ở trong tâm chúng sanh). Nếu nói rõ ý nghĩa này hơn chút nữa, A Di Đà Phật và chính mình là một Thể. Chúng ta là chúng sanh trong tâm A Di Đà Phật; nay chúng ta niệm Phật là niệm A Di Đà Phật trong tâm chúng ta, là một, không hai. A Di Đà Phật và chúng ta là một Thể, đối với câu nói này, đối với chuyện này, quý vị phải khẳng định, nhận biết. Sau đó, quý vị lại suy nghĩ: Hết thảy chúng sanh trong tận hư không khắp pháp giới chẳng phải là chúng sanh trong tâm A Di Đà Phật ư? Hết thảy người niệm Phật chẳng phải đều là niệm A Di Đà Phật trong tự tánh ư? Do vậy, chúng ta lại hiểu rõ một chuyện, tức là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Tinh và vô tinh cùng một Thể*”. Nếu quý vị ngộ nhập “*tinh và vô tinh có cùng một Thể*”, chắc là chẳng bao lâu nữa, quý vị sẽ chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh, thật sự chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Thức thứ sáu và thức bảy đã chuyển, A Lại Da Thức liền biến thành Đại Viên Kính Trí, năm thức trước chuyển thành Thành Sở Tác Trí. A Lại Da biến thành Pháp Thân, Diệu Quán Sát và Bình Đẳng Tánh biến thành Báo Thân, năm thức trước biến thành Thiên Bách Ưc Hóa Thân, chuyển tám thức thành bốn trí (Diệu Quán Sát Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Thành Sở Tác Trí, và Đại Viên Kính Trí). Đây là chân thật ngộ nhập “tận hư không trọn pháp giới là chính mình”.

(Sớ) Trung lưu lưỡng ngạn giả, Sa Bà dụ thủ, Cực Lạc dụ bị.

(疏) 中流兩岸者，娑婆喻此，極樂喻彼。

(Sớ: “Giữa dòng hai bên”: Sa Bà ví như bên này, Cực Lạc ví như bên kia).

“Trung lưu, lưỡng ngạn” (giữa dòng và hai bờ) là tỷ dụ. Bờ bên này chỉ cho thế giới Sa Bà trong hiện thời. Thế giới Sa Bà khổ sở, hãy nên giác ngộ. Thế giới Cực Lạc ví như bờ kia.

(Sớ) **Thỉ yên yếm khổ hân lạc.**

(疏) 始焉厭苦欣樂。

(Sớ: Bắt đầu bằng chán khổ, thích vui).

Đây là chúng ta bắt đầu tu học. Nói chung, lúc bắt đầu thì dùng ý thức, dùng cảm tình. Thế giới này khổ quá, chúng ta muốn thoát khổ được vui. Do vậy, nhất tâm nhất ý cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Đây là công phu sơ bộ của người niệm Phật.

(Sớ) **Ký yên khổ lạc song vong.**

(疏) 既焉苦樂雙亡。

(Sớ: Khổ và sướng đã cùng mất rồi).

Đây là công phu được nâng cao hơn. Thế giới này khổ, thế giới Cực Lạc sướng, khổ lẫn sướng đều tách lìa, “*khổ lạc song vong*” (khổ lẫn sướng cùng mất) là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn sẽ đắc Chánh Thọ, mà cũng là thành tựu Niệm Phật tam-muội. Sự nhất tâm là Niệm Phật tam-muội, hai bên khổ và sướng đều chẳng thọ. Nếu còn có Khổ Thọ và Lạc Thọ, quý vị phải nhớ: Quý vị chưa đắc Niệm Phật tam-muội! Nói cách khác, quý vị không đạt được nhất tâm. Trong công phu thành phiền có Khổ Thọ và Lạc Thọ, trong nhất tâm bất loạn quyết định không có [những thứ cảm thụ ấy]. Trong Sự nhất tâm không có năm thứ cảm thọ: Khổ, lạc, ưu, hỷ, và xả. Chúng ta cũng có thể dùng điều này để khảo nghiệm công phu của chính mình, xem chúng ta niệm Phật đạt đến trình độ nào? Trong hoàn cảnh mà ta còn có cảm thọ khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thì nói cách khác, công phu của quý vị tận hết mức cũng chẳng qua là công phu thành phiền mà thôi, chưa đắc nhất tâm!

(Sớ) Chung yên diệc bất trụ u phi khổ phi lạc, sở vị: Nhị biên bất trước, Trung Đạo bất an.

(疏)終焉亦不住於非苦非樂。所謂二邊不著，中道不安。

(Sớ: Cuối cùng, cũng không trụ trong “chẳng khổ, chẳng sướng”, nên nói: “Chẳng chấp vào hai bên, mà cũng chẳng an trụ nơi Trung Đạo”).

“An” (安) có nghĩa là “an trụ” (安住). Trung Đạo cũng chẳng trụ, cảnh giới ấy lại được nâng cao hơn một tầng nữa. Đó là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Trong ba cảnh giới này, cảnh giới đầu tiên là công phu thành phiền, thứ hai là Sự nhất tâm bất loạn, thứ ba là Lý nhất tâm bất loạn. Cổ đại đức thường [diễn tả cảnh giới trong câu nói này] bằng câu nói: “Ly tứ cú, tuyệt bách phi”², tâm thật sự đạt được thanh tịnh! Thật sự đạt được thanh tịnh là Lý nhất tâm bất loạn.

(Diễn) Nhị biên vị hữu vô, Trung Đạo vị phi hữu phi vô, diệc hữu diệc vô.

(演) 二邊謂有無，中道謂非有非無，亦有亦無。

(Diễn: Nhị biên là Có và Không, Trung Đạo là chẳng phải Có, chẳng phải Không, mà cũng là Có, vừa là Không).

Đây chính là “tứ cú”. “Hữu” là một câu, “Vô” là câu nữa, “phi hữu phi vô” là câu thứ ba, “diệc hữu diệc vô” là câu thứ tư.

(Diễn) Bất trước bất an, chánh thị ly tứ cú xứ.

(演) 不著不安，正是離四句處。

² Tứ cú là “Hữu, Vô, diệc Hữu diệc Vô, phi Hữu phi Vô” (Có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có mà cũng chẳng phải không). Đối với bốn câu này, lại đem mỗi câu phối hợp với bốn câu trên đây thành ra $4 \times 4 = 16$. Mười sáu câu ấy lại đem phối hợp với ba đời thành $16 \times 3 = 48$ câu. Bốn mươi tám câu ấy lại đem phối hợp với hai trạng thái (đã khởi và chưa khởi) thành ra 96 câu. Do vậy, 96 câu ấy phối hợp với “tứ cú” ban đầu thành một trăm câu nhằm chỉ tất cả những khái niệm và chấp trước về nhị biên trong thế gian. Một trăm câu ấy được gọi là “bách phi”.

(**Diễn:** “*Chẳng chấp trước, chẳng an trụ*” chính là lìa khỏi bốn câu).

“*Bất trước*” là không chấp tướng, “*bất an*” là trong tâm không vương mắc. “*Chánh thị ly tứ cú xứ*”: Bốn câu này là căn nguyên chung của vô minh phiền não. Lục đạo phàm phu, ngoại đạo, Nhị Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát đều chẳng lìa khỏi bốn câu này. Do vậy, họ chẳng thể kiến tánh, chẳng thể đắc Lý nhất tâm bất loạn. Bỏ được, thoát khỏi bốn câu này thì mới có thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Đạt đến địa vị này, Thật Tướng của các pháp hiển hiện.

(**Sớ**) *Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ, ý cái như thị. Thị tức Thiên Tông, Tịnh Độ, thù đồ đồng quy, dĩ bất ly tự tâm, tức thị Phật cố, tức thị Thiên cố. Bĩ chấp Thiên nhi báng Tịnh Độ, thị báng tự bốn tâm dã, thị báng Phật dã, thị tự báng kỳ Thiên dã, diệc phát tư nhi dĩ hĩ.*

(疏) 自性彌陀，唯心淨土，意蓋如是。是則禪宗淨土，殊途同歸，以不離自心，即是佛故，即是禪故。彼執禪而謗淨土，是謗自本心也，是謗佛也，是自謗其禪也，亦弗思而已矣。

(**Sớ:** “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*” có ý nghĩa như vậy. Do vậy, *Thiên Tông và Tịnh Độ là khác đường, nhưng cùng về một nơi. Do chẳng lìa tự tâm nên chính là Phật, chính là Thiên. Kẻ nào chấp Thiên báng Tịnh Độ thì chính là báng bốn tâm của chính mình, báng Phật, báng Thiên của chính mình; đấy cũng là do chẳng suy nghĩ đó thôi!*)

Mấy câu này, câu nào cũng là lời chân thật. Trong thời đại hiện tại nó càng là khai thị trọng yếu. Hành môn và giải môn của chúng ta hiện thời đều chẳng đắc lực, chướng ngại lớn nhất chính là kiến giải môn hộ quá sâu. Nói cách khác, phân biệt, chấp trước quá nặng. Tâm lượng hẹp hòi, nhỏ nhen chẳng thể dung nạp, chịu đựng [những ý kiến hay đường lối tu hành khác với tông phái của chính mình]. Chẳng những học Phật không có thành tựu, mà còn tạo vô lượng tội nghiệp, báng Phật, báng Pháp, báng Tăng! Quý vị hãy nghĩ xem: Báng Tam Bảo là tội lỗi gì vậy?

Quý vị đọc Giới Kinh, xem kinh Phạm Võng sẽ biết, quả báo là địa ngục A Tỳ đây!

Kẻ học Thiên báng bỏ Tịnh Độ. Kinh Tịnh Độ có phải do đức Phật nói hay chẳng? Nếu là do đức Phật nói, quý vị hủy báng kinh điển Tịnh Độ có phải là báng Pháp và báng Phật hay không? Nếu người niệm Phật hủy báng Thiên Tông thì cũng là báng Phật, báng Pháp. Thiên cũng do đức Phật nói. Do vậy, nhất định phải hiểu rõ: Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp. Chúng ta tự mình tu hành pháp môn này, chúng ta nhận định pháp môn này khế hợp căn cơ của mình, ta học pháp này sẽ được thụ dụng. Những pháp môn khác đều do đức Phật nói, đều hay, nhưng không khế hợp căn cơ của ta. Người khác tu tập những pháp môn ấy, chúng ta cũng tán thán. [Pháp môn ấy] khế hợp căn cơ của người ta, người ta tu pháp ấy sẽ có thành tựu. Làm sao có thể nói: Người ấy học khác ta, ta bèn hủy báng người ấy? Đó là tà tri tà kiến, chẳng phải là chánh tri kiến.

Trong phần trước đã nói rõ ràng, rành mạch, mê và ngộ là một chuyện! Thành kiến sâu đậm, “tự khen mình, hủy báng người khác” là mê hoặc, điên đảo. Người ta đang mê, chẳng biết chính mình đang mê, lầm tưởng mê là giác. Nếu họ biết là họ đang mê, sẽ chẳng mê. Do vậy, chẳng những chúng ta chớ nên hủy báng hết thảy pháp môn, mà thậm chí đối với những tôn giáo và học thuật khác cũng đừng nên hủy báng, vì sao? Trong phần trên đã nói rất hay: Pháp là một, chẳng phải hai. Chỉ vì chúng sanh mê nên mới kiến lập những tướng sai biệt. Sai biệt chính là vô sai biệt, phải hiểu rõ đạo lý này. Thật sự hiểu rõ đạo lý thì mới có thể “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”.

Người nào tin tưởng Cơ Đốc Giáo, chẳng tin Phật pháp, quý vị có thể khen ngợi Cơ Đốc Giáo, khiến cho họ sốt sắng học, giúp cho họ sanh lên trời, đó mới là đúng. Ngàn vạn phần chớ nên nói đó là tà giáo, quý vị nói như vậy sẽ khêu gợi ác cảm nơi họ, tạo Tăng Thượng Duyên khiến cho họ hủy báng Tam Bảo. Kẻ ấy vốn chẳng hủy báng Tam Bảo, [do vì] quý vị nói hấn là tà giáo, hấn bèn nói Phật pháp cũng là ma quỷ. Quý vị khiến cho hấn tạo tội nghiệp hủy báng Tam Bảo, quý vị khiến cho hấn đọa vào địa ngục A Tỳ, ai làm cho hấn bị đọa? Người nào đó khiến ta bị đọa, quý vị nói xem: Kẻ đó chẳng thoát khỏi tội liên can! Nếu ngược lại, quý vị tán thán hấn, khơi gợi lương tri lương năng của chính hấn, [hấn sẽ cảm thấy]: “Chúng ta chửi bới Phật giáo là ma quỷ; ngược lại, Phật giáo khen ngợi Thượng Đế của chúng ta, nghĩ ra, tâm lượng của chúng ta quá nhỏ nhen, tâm lượng của người ta quá lớn”. Hấn sẽ sửa lỗi, đổi mới, kính

trọng Tam Bảo. Tuy hẳn không quy y, nhưng không hủy báng, mà tôn trọng, sẽ có ích cho hẳn.

Do vậy, trong Tứ Tắt Đạn của Bồ Tát thường nói: “*Bồ Tát ở chỗ nào cũng khiến cho hết thấy chúng sanh đều sanh lòng hoan hỷ*”, làm sao có thể khiến cho chúng sanh sanh phiền não ư? Đặc biệt là những kẻ chẳng tin tưởng Phật giáo, cũng nhất định chớ nên khiến cho họ sanh phiền não, đừng nên tăng trưởng tà tri tà kiến cho họ. Đó mới là đại từ đại bi.

(Diễn) Tự tâm thị Phật, thị Thiên giả.

(演) 自心是佛是禪者。

(Diễn: “Tự tâm là Phật” là Thiên).

“Phật” có nghĩa là giác chứ không mê. “Thiền” có nghĩa là Tĩnh Lự. Kinh Kim Cang nói: “*Bất thủ ư tướng, như như bất động*” (chẳng chấp lấy tướng, như như bất động), đó gọi là Thiền. Giác tánh là chẳng chấp lấy tướng, là như như bất động. Phật và Thiền là cùng một chuyện, chẳng phải hai chuyện.

(Diễn) Tự tâm giác chiếu tức thị Phật, tự tâm tĩnh lự tức thị Thiên.

(演) 自心覺照即是佛，自心靜慮即是禪。

(Diễn: “Tự tâm giác chiếu” chính là Phật, “tự tâm tĩnh lự” chính là Thiên).

Nếu ý nghĩa của chữ Tĩnh Lự chẳng dễ hiểu thì dùng hai câu kinh Kim Cang [để giải thích] sẽ dễ hiểu hơn. “*Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”: Như như bất động là Tĩnh, chẳng chấp lấy tướng là Lự. Hiểu rõ, thông suốt tướng cảnh giới bên ngoài, nhưng chẳng chấp tướng! Một chương dạy về cách ngồi Thiền của Lục Tổ mà [trong Đạn Kinh] đã giảng rõ hai câu kinh Kim Cang này; đây là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong tu học của Thiền Tông Trung Quốc.

(Diễn) Báng tự bản tâm giả.

(演) 謗自本心者。

(Diễn: [Hủy báng Tịnh Độ] là báng bản tâm của chính mình vì...)

Tri kiến sai lầm, phân biệt, chấp trước quá nặng, thành kiến quá sâu; do vậy, hủy báng Tam Bảo.

(Diễn) Dĩ Tịnh Độ nãi tự tâm chi Tịnh Độ cố. Thị báng Phật giả, dĩ bất ly tự tâm tức thị Phật cố.

(演)以淨土乃自心之淨土故。是謗佛者，以不離自心即是佛故。

(Diễn: Tịnh Độ chính là Tịnh Độ trong tự tâm. [Báng Tịnh Độ] “là báng Phật”: Vì chẳng lìa tự tâm chính là Phật).

Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa này, hằng ngày niệm một câu A Di Đà Phật, có báng Phật hay không? Nếu quý vị niệm một câu A Di Đà Phật chỉ là niệm tỳ-kheo Pháp Tạng đã thành Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng liên quan gì đến mình, đó là báng Phật. Vì sao? Quý vị chẳng hiểu “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Quý vị mê rồi, ngỡ Tịnh Độ và A Di Đà Phật đều ở ngoài cái tâm của chính mình. Cầu pháp ngoài tâm thì quý vị đã là ngoại đạo, quý vị chẳng liễu giải ý nghĩa của lời Như Lai đã nói.

Do vậy, phải hiểu: Tự - Tha bất nhị, Tự - Tha nhất Thể, vậy là đúng! Đây chính là Tín Tự, Tín Tha, Tín Nhân, Tín Quả, Tín Sự, Tín Lý như Ngẫu Ích đại sư đã nói [trong phần Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của sách Yếu Giải]. Tự, Tha, Lý, Sự, Nhân, Quả là một, không hai, đó mới gọi là tin Phật. Ba món Tư Lương Tín - Nguyện - Hạnh được nói như vậy, hễ thiếu một điều nào, sẽ chẳng thể gọi là Tín. Nếu nói dễ nghe hơn một chút thì là “Tín chẳng đầy đủ”. Tuy có một chút tín tâm, nhưng chẳng viên mãn, bị thiếu khuyết, vì tín tâm của quý vị chẳng viên mãn, nên quý vị công phu không đắc lực, chẳng thể thành tựu. Nếu tín tâm đầy đủ, viên mãn, lẽ đâu quý vị chẳng thành tựu?

(Diễn) Thị tự báng kỳ Thiên giả, dĩ bất ly tự tâm tức thị Thiên cố

(演) 是自謗其禪者，以不離自心即是禪故。

(Diễn: “Là tự báng Thiên” vì chẳng lìa tự tâm chính là Thiên).

Chẳng hiểu tâm của chính mình là Thiên, chẳng hiểu tâm của chính mình là Phật. Thiên và Phật là một, không hai! Thiên là tự tâm

tĩnh lự, Phật là tự tâm giác chiếu, là một, chẳng phải hai! Trong đoạn văn này, đại sư đã bảo chúng ta: Thiên Tông và Tịnh Độ khác đường, nhưng cùng về một nơi. Ngoài Thiên và Tịnh ra, còn có Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Luật Tông, tám tông phái lớn, có tông phái nào chẳng phải là “khác đường, nhưng về cùng một nơi”? Nếu nói cặn kẽ hơn thì tám vạn bốn ngàn pháp môn trong Tam Tạng kinh điển vẫn là “khác đường, nhưng cùng về một nơi”. Qua kinh Lăng Nghiêm, chúng ta đã thấy: Hai mươi lăm vị Bồ Tát là hai mươi lăm pháp Viên Thông, hai mươi lăm vị Bồ Tát ấy đại diện cho tám vạn bốn ngàn pháp môn, quy nạp hết thảy pháp môn thành hai mươi lăm loại lớn, mỗi vị đều là bậc nhất, không nói bậc nhì, vì sao? Các vị ấy đều kiến tánh, đủ thấy “khác đường, nhưng về cùng một nơi!”

Chúng ta nhất định phải phá tình chấp của chính mình. Hết thảy phân biệt, chấp trước, hết thảy xử sự bằng cảm tình, không gì chẳng phải là nghiệp, không gì chẳng phải là tội, giống như Địa Tạng Bốn Nguyên Kinh đã nói, chúng ta phải thật sự giác ngộ điều này. Chúng ta mong hằng ngày tiêu nghiệp chướng, tiêu tội nghiệp, quý vị phải hiểu lý, hiểu cách vận dụng như thế nào trong cuộc sống. Vận dụng tư tưởng và đôi tay của chúng ta như thế nào thì mới xa lìa hết thảy tội nghiệp. Thành tựu vô lượng vô biên công đức là do chính quý vị có biết sử dụng cái tâm hay không. Ở đây, chỉ nêu ra Thiên và Tịnh để làm thí dụ. Chấp trước Thiên, đề cao Thiên, báng bỏ Tịnh Độ tức là báng bỏ cái tâm của chính mình, báng Phật, báng Pháp, đồng thời cũng hủy báng pháp Thiên của chính mình, không chỉ báng người khác mà còn báng chính mình!

“*Diệc phát tư nhi dĩ hĩ*” (cũng do chẳng suy nghĩ đó thôi). Câu này ý nói: Sao quý vị không suy nghĩ kỹ càng? Đây thật sự là mê hoặc, điên đảo, người khai ngộ nhất định chẳng làm như vậy. Người khai ngộ tâm nhất định thanh tịnh, bình đẳng, mở rộng rạng ngời, tuyệt đối chẳng có phân biệt, chấp trước. Đây là người khai ngộ, là người hữu đạo, như đã nói: “*Hữu đạo là khai ngộ*”. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!